

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 154/2023/HSST

Ngày 29/12/2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang.

- Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị T
- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 133/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Nguyễn Văn Q; Tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; Sinh năm: 1992 tại Thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; HKTT/nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T1 sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1972; Vợ: Nguyễn Thị Q1 sinh năm 1999; Con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không có. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt)

2. Bàn Văn L; Tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; Sinh năm: 1987 tại Huyện H, tỉnh Tuyên Quang; HKTT/nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bàn Văn A sinh năm 1965 và bà Tô Thị S sinh năm 1963; Vợ: Nịnh Thị L1 sinh năm 1988; Con: Có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 20/3/2007 bị TAND tối cao xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản, ngày 17/01/2019 được đặc xá, đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích; Ngày 16/5/2017, bị Công an huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 1.250.000đ về hành vi Đánh bạc, đã chấp hành

xong ngày 26/5/2017; Ngày 29/12/2020, bị UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2021, đã chấp hành xong quyết định và được coi như chưa có tiền sự. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. (Có mặt)

* Người bào chữa cho bị cáo Bàn Văn L: Bà Đỗ Thị H1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H.

Địa chỉ Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H: Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên, đường A, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

* Bị hại: Công ty Cổ phần P

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, Tòa nhà T, Khu đô thị G, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Mai H2 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh S1, sinh năm: 1975, Chức vụ: Đội trưởng

Địa chỉ: Số D tổ D, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

(Theo giấy ủy quyền số 0132/2023/GUQ-VC ngày 03/8/2023 của bà Nguyễn Mai H2 cho ông Đỗ Thanh S1) (Vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số C, ngõ A Q, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- Chị Trịnh Thị N1, sinh năm: 1992

Nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện tại: Thôn C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

* **Người làm chứng:**

- Ông Trần Văn M, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Khu tập thể S, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q sinh năm 1992, HKTT: Thôn B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh và Bàn Văn L sinh năm 1987, HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang làm thuê cho cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng ở Cụm L, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Văn T3 sinh năm 1977, HKTT: Số C, ngõ A Q, phường T, quận T, thành phố Hà Nội làm chủ. Khoảng 08 giờ ngày 03/8/2023,

Q điều khiển xe ô tô tải Kia Frontier, biển số 29K-029.18 của anh T3 cùng L chở vật liệu đi giao tại công trường khu đô thị S, thuộc xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Khi Q và L đi đến khu H thì phát hiện đoạn đường phía trước cửa kho vật liệu của Công ty Cổ phần P (gọi tắt là Công ty P), địa chỉ: Khu đô thị V thuộc xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội, tại phân khu H, khu đô thị S có để các tấm tôn nhám trải lót đường tại khu vực vỉa hè, không có người trông coi, nên Q đã nảy sinh ý định trộm cắp. Q bảo với L “*Anh em xuống bê mấy tấm sắt mang về bán*” thì L đồng ý. Q dừng xe ở ven đường, rồi cả hai đi xuống cùng nhau khênh lần lượt 03 tấm tôn nói trên để lên thùng xe. Các tấm tôn nhám đều có kích thước giống nhau là 2m x 1,5m x 3mm, nặng 70kg và cũng được xác định là tài sản của Công ty P. Q điều khiển xe ô tô cùng L mang 03 tấm tôn nhám trộm cắp được đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Trịnh Thị N1 sinh năm 1992, HKTT: Xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đặt tại thôn C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội bán cho chị N1 với giá 560.000đ/1 tấm thu được số tiền 1.680.000đ. Q là người trực tiếp bán, nhận tiền và chia cho L 800.000đ, Q cầm 880.000đ rồi đi về. Đến khoảng 9 giờ 45 phút cùng ngày, Q lại điều khiển xe ô tô tải nói trên chở L đi giao vật liệu trong khu đô thị S. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi giao hàng về qua kho vật tư của Công ty P thấy vẫn không có người trông coi, nên Q lại rủ L tiếp tục trộm cắp các tấm tôn và cả hai đã cùng nhau lấy trộm 02 tấm tôn nhám có đặc điểm tương tự như lần trước. Q và L đưa 02 tấm tôn nhám lên xe và mang về cửa hàng của chị N1, bán cho chị N1 được 1.120.000đ; Quyết chia cho L 520.000đ, Q cầm 600.000đ. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Q lại nhận được lệnh đi giao hàng nên đã điều khiển xe ô tô tải Frontier, biển số 29K-029.18 chở L đến khu đô thị S. Khoảng 14 giờ cùng ngày, cả hai giao hàng về qua kho vật tư của Công ty P, thấy vẫn không có người trông coi nên lại nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và Q lại cùng L lén lút khênh lấy 01 tấm tôn nhám có đặc điểm tương tự như các tấm tôn nêu trên rồi lại mang đến cửa hàng của chị N1, bán cho chị N1 được 520.000đ, Q chia cho L 260.000đ, Q cầm 300.000đ.

Hồi 15 giờ 15 phút cùng ngày, anh Trần Văn M sinh năm 1978, HKTT: Khu tập thể S, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội là thủ kho vật tư của Công ty P phát hiện các tấm tôn nhám lót đường ở trước cửa kho đã bị mất nên đã trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện V để truy tìm các đối tượng chiếm đoạt tài sản. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Q và L đã đến cửa hàng của chị N1 để trả lại cho chị N1 số tiền 3.320.000đ và xin lại các tấm tôn nhám nêu trên. Chị N1 đã nhận lại tiền và trả lại cho Q và L các tấm tôn đã mua (trong đó có 02 tấm đã bị chị N1 cắt ra thành 04 tấm nhỏ có kích thước 1m x 5m x 3mm, nặng 35kg). Sau đó, Q và L đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V đầu thú, mang các tấm tôn cùng 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Kia Frontier, biển số 29K-029.18 giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V.

Ngày 04/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã yêu cầu định giá tài sản đối với các tấm tôn nhôm nói trên. Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 54/BKL-ĐGTS ngày 07/8/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện V kết luận: 01 tấm tôn nhôm kích thước 2m x 1,5m x 3mm, nặng 70kg có giá trị 1.228.150 đồng; tổng cộng 06 tấm tôn nhôm có giá trị 7.368.900 đồng.

Ngày 24/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại các tấm tôn nhôm trên cho Công ty P. Anh Đỗ Thanh S1, sinh năm 1975, HKTT: Tổ 4 phường H, quận H, thành phố Hà Nội là đại diện của Công ty P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra xác định: Khi bán các tấm tôn cho chị N1, Q và L không nói rõ về nguồn gốc tài sản nên chị N1 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý đối với chị N1. Còn chiếc xe ô tô tải Kia Frontier, biển số 29KH-029.18 là tài sản của anh T3. Anh T3 cho Q và L đi giao hàng, nhưng anh T3 cũng không biết Q, L đã sử dụng xe của mình làm phương tiện thực hiện tội phạm, nên ngày 24/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho anh T3 chiếc xe nêu trên.

Quá trình điều tra cũng xác định: L và Q trộm cắp tài sản như nêu trên là 03 lần nhưng không liên tục, kế tiếp nhau về thời gian. Lần sau cùng thì Q và L chiếm đoạt tấm tôn có giá trị là 1.228.150đ, trước đó cả L và Q đều chưa bị kết án hay xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt nên ngày 18/10/2023 Công an huyện V ra Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

Q và L đều phạm tội 02 lần, nhưng đã tự nguyện ra đầu thú, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng một số tình tiết giảm nhẹ và cũng phải chịu 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Vật chứng đã thu giữ chưa xử lý: Không có.

Quá trình điều tra, các bị cáo Q, L đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 138/CT-VKSVG ngày 31/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Bàn Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và văn bản đính chính và

đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Khoản 1,2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q. Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bàn Văn L.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Bàn Văn L phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 06 tháng đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Bàn Văn L từ 06 tháng đến 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 28/8/2023.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo L là người dân tộc thiểu số, cư trú ở xã có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L.

Đề nghị HĐXX kiến nghị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trộm cắp 01 tấm tôn nhôm của Nguyễn Văn Q, Bàn Văn L vào khoảng 14 giờ ngày 03/8/2023

- Người bào chữa cho bị cáo Bàn Văn L trình bày: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo L. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo L.

- Các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo L không có ý kiến gì đối với kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật.

- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 292, khoản 1 điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với đơn đề nghị và lời khai của đại diện bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo qui định của pháp luật. Do đó, HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ 08 giờ đến 10 giờ ngày 03/8/2023, Nguyễn Văn Q và Bàn Văn L đã 02 lần trộm cắp tài sản là 06 tấm tôn nhôm đều có kích thước giống nhau là 2m x 1,5m x 3mm, nặng 70kg, trị giá mỗi tấm là 1.228.150 đồng của Công ty Cổ phần P để bán lấy tiền tiêu sài. Cụ thể: Lần 1 vào khoảng hơn 8 giờ trộm cắp 03 tấm trị giá 3.684.450 đồng, lần 2 vào khoảng 10 giờ trộm cắp 02 tấm trị giá 2.456.300 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của pháp nhân là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến uy tín của cá nhân, pháp nhân có liên quan.

[4]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính gián đơn, vì lòng tham nên các bị cáo nảy sinh ý định và rủ nhau trộm cắp tài sản, không có sự chuẩn bị, phân công chặt chẽ nhiệm vụ giữa các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Q là người khởi sự, rủ bị cáo L trộm cắp tài sản, là người thực hành tích cực và chủ động chia tiền, nhận số tiền nhiều hơn L nên bị cáo giữ vai trò đầu vụ. Sau khi Q rủ trộm cắp tài sản thì L đồng ý và cùng thực hành tích cực.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi trộm cắp các tấm tôn nhám của các bị cáo lần 1 và lần 2 đều cấu thành tội phạm nên các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, Sau khi phạm tội, các bị cáo đã đầu thú và tự nguyện khắc phục hậu quả nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Q có nhân thân tốt. Bị cáo L có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt, bị xử phạt vi phạm hành chính và bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã.

[6]. Về hình phạt chính: HĐXX thấy bị cáo Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội vì nhất thời nảy sinh lòng tham nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, góp phần phòng ngừa chung. Bị cáo L có nhân thân xấu nên cần thiết phải xử hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đại diện bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang T2 nhận lại xe ô tô và đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

- Số tiền các bị cáo có được từ việc bán tài sản trộm cắp được cho chị N1, các bị cáo đã dùng chính số tiền đó để chuộc lại tài sản trả lại bị hại nên không xem xét truy thu.

[9]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện V đã trả lại các tấm tôn nhám trên cho Công ty P. Chiếc xe ô tô tải Kia Frontier, biển số 29KH-029.18 là tài sản của anh T2. Anh T2 không biết Q, L đã sử dụng xe của mình làm phương tiện trộm cắp tài sản, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho anh T2 chiếc xe nêu trên. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT công an huyện V là phù hợp với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án. Nay HĐXX không đề cập giải quyết.

[10]. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bằng Văn L là người dân tộc thiểu số, cư trú ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L.

[11]. Các vấn đề khác:

- Anh Nguyễn Quang T2 không biết các bị cáo dùng xe của anh vào việc phạm tội, chị Trịnh Thị N1 không biết các tấm tôn nhôm mua của các bị cáo là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý anh T2, chị N1.

- Hành vi trộm cắp lần thứ 03 vào khoảng 14 giờ ngày 03/8/2023 là 01 tấm tôn nhôm trị giá 1.228.150 đồng của Công ty Cổ phần P chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Mỗi lần các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp đều bán lấy tiền chia nhau và không xác định thực hiện hành vi trộm cắp tiếp theo, chỉ đến khi phát hiện chủ sở hữu tiếp tục có sơ hở trong việc quản lý tài sản mới nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo không liên tục, kế tiếp nhau về thời gian đối với hai hành vi trước nên không có căn cứ cộng giá trị tài sản để xác định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong vụ án này, các bị cáo đều không có tiền sự nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX kiến nghị Công an huyện V ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Bằng Văn L là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Khoản 1,2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

- Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bằng Văn L.

- Khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136; khoản 1 điều 292; khoản 1 điều 293; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Bàn Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

3. Mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bàn Văn L 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 28/8/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bàn Văn L.

6. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Các vấn đề khác: Kiến nghị Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trộm cắp 01 tấm tôn nhôm trị giá 1.228.150 đồng của Công ty Cổ phần P vào khoảng 14 giờ ngày 03/8/2023 như đã nêu trên.

Nơi nhân:

- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Hưng Yên.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang.
- Công an huyện Văn Giang.
- Chi cục T.H.A.DS huyện Văn Giang.
- Các bị cáo; Người bào chữa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Miện